

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/KDTM -ST
Ngày 06 - 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST- KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 86/TB-TA ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Y (Sau đây gọi tắt là Công ty Y), địa chỉ trụ sở: Thôn V, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, Nhân viên phòng hành chính Công ty Y, địa chỉ: Tầng 4, số 78 đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 218/GUQ-YBB ngày 26 tháng 8 năm 2020); vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần khoáng sản T (Sau đây gọi tắt là Công ty T), địa chỉ trụ sở: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lương Quý P, địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, Công ty Y và Công ty T có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số YBB-MK105/19-CT có nội dung: Công ty Y cung cấp đá canxi cacbonat cho Công ty T, cụ thể: Đá CaCO₃ loại cỡ từ 1-5cm (bao gồm quá cỡ khoảng 10% và dưới cỡ khoảng 10%), đóng trong bao Jumbo với trọng lượng 1250kg/bao; đá CaCO₃ loại cỡ từ 3-15cm (bao gồm quá cỡ khoảng 10% và dưới cỡ khoảng 10%), hàng rời, với khối lượng đá cung cấp sẽ được Công ty T lập kế hoạch chi tiết hàng tháng và gửi đơn hàng cho Công ty Y, Công ty Y dựa vào kế hoạch của Công ty T để lên kế hoạch sản xuất và giao hàng cho Công ty T. Đơn giá được quy định tại Điều 3 của hợp đồng (chưa bao gồm thuế VAT), cụ thể: Đá cỡ từ 1-5cm giá 395.000đ/tấn, cước vận chuyển 120.000đồng, tổng giá là 515.000đ/tấn, đá cỡ từ 3-15cm, giá 200.000đồng, cước vận chuyển là 100.000đồng, tổng giá là 300.000đồng. Giá có thể thay đổi tùy thuộc giá thị trường... khi có thay đổi thì Công ty Y sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Công ty T. Hình thức thanh toán (Điều 4 Hợp đồng): Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng thực tế, Công ty Y viết hóa đơn cho Công ty T, Công ty T sẽ thanh toán cho Công ty Y trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Thực hiện hợp đồng, Công ty Y đã xuất hàng hóa bán cho Công ty T tổng giá trị hàng hóa là 1.375.115.500đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng) đã bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển giao hàng), tuy nhiên Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Y.

Tại Biên bản họp ngày 11/10/2019, Công ty T xác nhận còn nợ Công ty Y số tiền nợ gốc là 676.790.500đồng. Sau khi các bên xác nhận về số nợ như trên, ngày 18/10/2019, Công ty T đã thanh toán cho Công ty Y số tiền 50 triệu đồng; và ngày 19/10/2019, Công ty T tiếp tục mua thêm 50 tấn hàng của Công ty Y với trị giá là 28.325.000đồng; ngày 28/10/2019, Công ty T thanh toán tiếp cho Công ty Y số tiền hàng là 50.000.000đồng. Như vậy, số tiền hàng mà Công ty T còn nợ Công ty Y là: 676.790.500đồng + 28.325.000đồng – 100.000.000đồng = 605.115.500đồng. Tính từ thời điểm ngày 28/10/2019 cho đến nay, Công ty T không thanh toán cho Công ty Y tiền hàng còn thiếu như đã thỏa thuận mặc dù Công ty Y đã rất nhiều lần đôn đốc Công ty T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Y. Nay, Công ty Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng mua bán hàng hóa số YBB-MK105/19-CT ngày 11 tháng 4 năm 2019 là 605.115.500đồng cho Công ty Y. Công ty Y không yêu cầu Công ty T phải trả số tiền nợ lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng.

Về phía bị đơn là Công ty T, Tòa án đã nhiều lần triệu tập người đại diện theo pháp luật của Công ty T đến Tòa án làm việc và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại trụ sở đăng ký kinh doanh của Công ty T (thôn Ngô Yển, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng) về việc Công ty Y khởi kiện tranh

chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty T nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty T đều vắng mặt không có lý do. Công ty T không có quan điểm trình bày với Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 440 Bộ luật dân sự, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty Y số tiền nợ gốc chưa thanh toán của Hợp đồng là 605.115.500đồng.

Về án phí: Công ty T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Công ty T có trụ sở đăng ký kinh doanh tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn là Công ty Y vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, công khai niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở đăng ký hoạt động của Công ty T (thôn N, xã A, huyện An Dương) nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty T vẫn vắng mặt không có lý do. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của nguyên đơn: Tuy Công ty T vắng mặt và không có quan điểm trình bày nhưng căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ căn cứ xác định giữa Công ty Y và Công ty T có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số YBB-MK 105/19-CT ngày 11/4/2019. Xét thấy hợp đồng mua bán hàng hóa số

YBB-MK 105/19-CT ngày 11/4/2019 được ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền và năng lực hành vi dân sự, nội dung giao kết hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu của các bên nên hợp đồng này là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[5] Theo như nội dung hợp đồng và các hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty Y xuất cho Công ty T cho thấy Công ty Y đã cung cấp cho Công ty T đá Canxicacbonat, vận chuyển và giao hàng với tổng trị giá tiền hàng là 1.375.115.500đồng. Trong đó Công ty T mới thanh toán được cho Công ty Y tổng số tiền là 698.325.000đồng, cụ thể số tiền thanh toán như sau: Ngày 25/4/2019 là 90 triệu đồng; ngày 18/6/2019 là 300 triệu đồng; ngày 10/7/2019 là 180 triệu đồng; ngày 07/9/2019 là 100 triệu đồng; ngày 18/10/2019 là 50 triệu đồng và ngày 28/10/2019 là 50 triệu đồng. Theo như biên bản họp ngày 11/10/2019 giữa Công ty T và Công ty Y thì số tiền nợ gốc được các bên xác nhận Công ty T còn nợ Công ty Y là 676.790.500đồng. Sau khi các bên xác nhận số nợ như trên thì ngày 18/10/2019, Công ty T thanh toán cho Công ty Y số tiền là 50.000.000đồng; ngày 19/10/2019, Công ty T tiếp tục mua của Công ty Y 50 tấn hàng với tổng giá trị tiền hàng là 28.325.000đồng. Ngày 28/10/2019, Công ty T tiếp tục thanh toán cho Công ty Y số tiền hàng là 50.000.000đồng. Như vậy, Công ty T còn nợ Công ty Y số tiền là $676.790.000\text{đồng} - 50.000.000\text{đồng} + 28.325.000\text{đồng} - 50.000.000\text{đồng} = 605.115.500\text{đồng}$. Từ đó cho đến nay, Công ty T chưa thanh toán số tiền hàng còn nợ cho Công ty Y. Do đó, Công ty Y khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 605.115.500đồng là có căn cứ. Cần buộc Công ty T phải thanh toán số tiền nợ gốc như trên cho Công ty Y.

[6] Về số tiền nợ lãi do chậm thanh toán: Công ty Y không yêu cầu Công ty T phải trả số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán số tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Công ty T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Cổ phần khoáng sản T phải trả cho Công ty Y số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 605.115.500đồng (sáu trăm linh lăm triệu một trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng).

Đối với khoản tiền nợ gốc Công ty Cổ phần khoáng sản T phải trả cho Công ty Y nói trên, kể từ ngày Công ty Y có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Cổ phần khoáng sản T không nộp thì hàng tháng Công ty Cổ phần khoáng sản T còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần khoáng sản T phải nộp 28.204.620 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm linh tư nghìn sáu trăm hai mươi đồng) án phí sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Y số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 14.102.310 đồng (mười bốn triệu một trăm linh hai nghìn ba trăm mười đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương (Biên lai thu tiền số 0013001 ngày 15 tháng 01 năm 2021).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; Tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- THADS huyện An Dương;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tuấn

